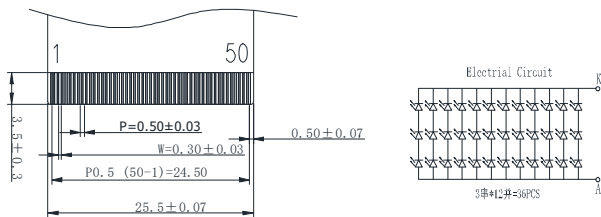


No.	定义	No.	定义
1	LEBA	26	G1
2	LEBA	27	G0
3	LEBK	28	R7
4	LEBK	29	R6
5	GND	30	R5
6	VCCM	31	R4
7	DVDD	32	R3
8	MODE	33	R2
9	DE	34	R1
10	VCCYC	35	R0
11	HSYNC	36	GND
12	R7	37	DCLK
13	R6	38	GND
14	R5	39	L.R
15	R4	40	L7D
16	R3	41	VGH
17	R2	42	VGL
18	R1	43	AVDD
19	R0	44	RESFT
20	G7	45	NC
21	G6	46	VCOM
22	G5	47	DITHER
23	G4	48	GVD
24	G3	49	NC
25	G2	50	NC



10.1" TFT Display
350cd/m²
1024xRGBx600
235(W)143(H)5(D)mm
Opt. Temp. Range: -20°C +70°C
View Angle: 85/85/85/85 IPS (All)
RoHS Compliant
TTL

YLT101SHT50AD-B4